

Bản án số: 1106/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 9 - 2022
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sỹ
2. Ông Nguyễn Đình Thọ
- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. QN.
- Đại diện VKSND Tp. QN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố QN - tỉnh BD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 890/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Ái L**, sinh năm: 1995
Nơi cư trú: 76/21 Đ, P. Đ, TX. AN, tỉnh BD.
- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm: 1991
Nơi cư trú: Tổ 15B, KV3, P. R, TP. QN, tỉnh BD.
(Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ái L:**

Tại phiên tòa, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2022 và các lời khai tiếp theo chị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường R, TP. QN vào ngày 19/5/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T lười lao động, thường xuyên cờ bạc, vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Mặc dù gia đình đã nhiều lần khuyên can, hàn gắn nhưng anh chị không thể hòa hợp,

tình cảm đã nhạt dần. Vì vậy, chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh P, sinh ngày 19/7/2016. Hiện nay cháu đang sống với chị, sức khỏe tốt. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, vợ chồng chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Thành T:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh T cũng vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. QN, tỉnh BD phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật HNGĐ 2014: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Ái L được ly hôn anh Nguyễn Thành T; Giao cháu Nguyễn Huỳnh P cho chị L nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị Ái L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ái L và anh Nguyễn Thành T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường R, TP. QN vào ngày 19/5/2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh T đã phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí muốn hòa hợp. HĐXX xét: Hôn nhân của chị L, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh P, sinh ngày 19/7/2016. HĐXX xét: Cháu P hiện đang sống với chị L và được đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu P cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chị L phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Ái L ly hôn anh Nguyễn Thành T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Nguyễn Huỳnh P, sinh ngày 19/7/2016 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Ái L phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004182 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. QN. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh BD;
 - VKSND Tp. QN;
 - Chi cục THADS Tp. QN;
 - UBND P. R, TP. QN
- (ĐKKH số 41/2015 ngày 19/5/2015);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ

